

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 9**Môn: Toán – Lớp 4****Bộ sách: Cánh diều**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Số “Năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm năm mươi tư” viết là:

- A. 59 643 554 B. 59 634 584 C. 5 986 544 D. 5 894 564

Câu 2: Trong các số sau: 412 854, 353 142, 471 213, 426 458. Số nào là số bé nhất?

- A. 412 854 B. 353 142 C. 471 213 D. 426 458

Câu 3: Có 30 hộp bánh được chia đều vào 5 thùng. Hỏi có 7 thùng bánh như vậy được được bao nhiêu hộp bánh?

- A. 48 hộp B. 42 hộp C. 49 hộp D. 35 hộp

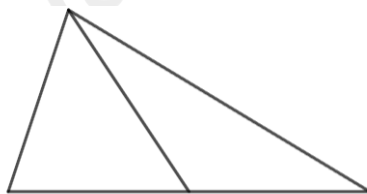
Câu 4: Có 3 giá sách, giá thứ nhất có 500 quyển, giá thứ hai có 275 quyển, giá thứ 3 có 446 quyển.

Vậy trung bình mỗi giá có: ... quyển sách.

- A. 407 quyển B. 408 quyển C. 400 quyển D. 405 quyển

Câu 5: Số 624 422 làm tròn đến hàng trăm nghìn, ta được số:

- A. 600 000 B. 560 000 C. 500 000 D. 550 000

Câu 6: Hình bên có:

- A. 4 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt B. 5 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt
C. 5 góc nhọn, 2 góc tù, 1 góc bẹt D. 6 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt

II. TỰ LUẬN**Bài 1:** Đặt tính rồi tính

$560\ 312 + 19\ 588$

$56\ 831 - 41\ 270$

$10\ 347 \times 8$

$30\ 516 : 5$

.....

.....
Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$5 \text{ yến} = \dots\dots \text{ kg}$

$2 \text{ tạ } 7 \text{ kg} = \dots\dots \text{ kg}$

$5 \text{ phút} = \dots\dots \text{ giây}$

$4 \text{ tạ} = \dots\dots \text{ kg}$

$30 \text{ tạ} = \dots\dots \text{ tấn}$

$2 \text{ phút } 15 \text{ giây} = \dots\dots \text{ giây}$

$2 \text{ tấn} = \dots\dots \text{ tạ}$

$1 \text{ tấn } 55 \text{ kg} = \dots\dots \text{ kg}$

$500 \text{ năm} = \dots\dots \text{ thế kỉ}$

Bài 3: Thùng thứ nhất chứa 32 lít dầu, thùng thứ hai chứa 38 lít dầu. Thùng thứ ba chứa số lít dầu bằng trung bình cộng của hai thùng trên. Tính số lít dầu của thùng thứ ba.

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 4: Có 54 quyển vở chia đều thành 9 phần thưởng. Hỏi 3 924 quyển vở thì chia được bao nhiêu phần thưởng? (Biết mỗi phần thưởng là như nhau).

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Số “Năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm năm mươi tư” viết là:

- A. 59 643 554 B. 59 634 584 C. 5 986 544 D. 5 894 564

Phương pháp

Khi viết số có nhiều chữ số, ta tách số thành từng lớp, từ lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi lớp triệu. Sau đó dựa vào cách viết số có tới ba chữ số thuộc từng lớp để viết và viết từ trái sang phải.

Lời giải

Số “Năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm năm mươi tư” viết là: 59 643 554

Đáp án: A

Câu 2: Trong các số sau: 412 854, 353 142, 471 213, 426 458. Số nào là số bé nhất?

- A. 412 854 B. 353 142 C. 471 213 D. 426 458

Phương pháp

So sánh các số đã cho để tìm số bé nhất

Lời giải

Số bé nhất trong các số đã cho là 353 142

Đáp án: B

Câu 3: Có 30 hộp bánh được chia đều vào 5 thùng. Hỏi có 7 thùng bánh như vậy được bao nhiêu hộp bánh?

- A. 48 hộp B. 42 hộp C. 49 hộp D. 35 hộp

Phương pháp

- Tìm số hộp bánh trong mỗi thùng

- Tìm số hộp bánh trong 7 thùng

Lời giải

Số hộp bánh trong mỗi thùng là $30 : 5 = 7$ (hộp)

7 thùng bánh như vậy có số hộp bánh là:

$$7 \times 7 = 49 \text{ (hộp bánh)}$$

Đáp án: C

Câu 4: Có 3 giá sách, giá thứ nhất có 500 quyển, giá thứ hai có 275 quyển, giá thứ 3 có 446 quyển.

Vậy trung bình mỗi giá có: ... quyển sách.

- A. 407 quyển B. 408 quyển C. 400 quyển D. 405 quyển

Phương pháp

Số sách trong bình ở mỗi giá = Tổng số sách ở ba giá : 3

Lời giải

Trung bình mỗi giá có số quyển sách là: $(500 + 275 + 446) : 3 = 407$ (quyển)

Đáp án: A

Câu 5: Số 624 422 làm tròn đến hàng trăm nghìn, ta được số:

- A. 600 000 B. 560 000 C. 500 000 D. 550 000

Phương pháp

Xét xem số đã cho gần với số tròn trăm nghìn nào hơn rồi kết luận.

Lời giải

Số 624 422 gần với số 600 000 hơn số 700 000 nên số 624 422 làm tròn đến hàng trăm nghìn, ta được số 600 000.

Đáp án: A

Câu 6: Hình bên có:



- A. 4 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt B. 5 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt
C. 5 góc nhọn, 2 góc tù, 1 góc bẹt D. 6 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để xác định số góc nhọn, góc tù, góc bẹt

Lời giải

Hình bên có: 6 góc nhọn, 1 góc tù, 1 góc bẹt

Đáp án: D**II. TỰ LUẬN**

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$560\ 312 + 19\ 588$$

$$56\ 831 - 41\ 270$$

$$10\ 347 \times 8$$

$$30\ 516 : 5$$

Phương pháp

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất lần lượt từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải.

Lời giải

$$\begin{array}{r} 560\ 312 \\ + 19\ 588 \\ \hline 579\ 900 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 56\ 831 \\ - 41\ 270 \\ \hline 15\ 561 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10\ 347 \\ \times 8 \\ \hline 82\ 776 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 30\ 516 & 5 \\ \hline & 6103 \\ & 05 \\ & 01 \\ & 16 \\ & 1 \end{array}$$

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$5 \text{ yên} = \dots \text{ kg}$

$2 \text{ tạ } 7 \text{ kg} = \dots \text{ kg}$

$5 \text{ phút} = \dots \text{ giây}$

$4 \text{ tạ} = \dots \text{ kg}$

$30 \text{ tạ} = \dots \text{ tấn}$

$2 \text{ phút } 15 \text{ giây} = \dots \text{ giây}$

$2 \text{ tấn} = \dots \text{ tạ}$

$1 \text{ tấn } 55 \text{ kg} = \dots \text{ kg}$

$500 \text{ năm} = \dots \text{ thế kỉ}$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 yên = 10 kg ; 1 tạ = 100 kg

1 tấn = 10 tạ ; 1 phút = 60 giây

Lời giải

$5 \text{ yên} = \dots \mathbf{50} \dots \text{ kg}$

$2 \text{ tạ } 7 \text{ kg} = \dots \mathbf{207} \dots \text{ kg}$

$5 \text{ phút} = \dots \mathbf{300} \dots \text{ giây}$

$4 \text{ tạ} = \dots \mathbf{400} \dots \text{ kg}$

$30 \text{ tạ} = \dots \mathbf{3} \dots \text{ tấn}$

$2 \text{ phút } 15 \text{ giây} = \dots \mathbf{135} \dots \text{ giây}$

$2 \text{ tấn} = \dots \mathbf{20} \dots \text{ tạ}$

$1 \text{ tấn } 55 \text{ kg} = \dots \mathbf{1055} \dots \text{ kg}$

$500 \text{ năm} = \dots \mathbf{5} \dots \text{ thế kỉ}$

Bài 3: Thùng thứ nhất chứa 32 lít dầu, thùng thứ hai chứa 38 lít dầu. Thùng thứ ba chứa số lít dầu bằng trung bình cộng của hai thùng trên. Tính số lít dầu của thùng thứ ba.

Phương pháp

Số lít dầu của thùng thứ ba = Số lít dầu ở hai thùng : 2

Lời giải

Thùng thứ ba chứa số lít dầu là:

$$(32 + 38) : 2 = 35 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 35 lít

Bài 4: Có 54 quyển vở chia đều thành 9 phần thưởng. Hỏi 3 924 quyển vở thì chia được bao nhiêu phần thưởng? (Biết mỗi phần thưởng là như nhau).

Phương pháp

- Tìm số quyển vở ở 1 phần thưởng
- Tìm số phần thưởng chia được

Lời giải

1 phần thưởng có số quyển vở là:

$$54 : 9 = 6 \text{ (quyển)}$$

3 924 quyển vở thì chia được số phần thưởng là:

$$3\ 924 : 6 = 654 \text{ (phần thưởng)}$$

Đáp số: 654 phần thưởng